

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 24-5-2023

V/v: Hủy kết hôn trái pháp luật và
tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kỳ Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Dệt.

2. Bà Bùi Thị Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 61/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023, về việc: “Hủy kết hôn trái pháp luật và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thế V, sinh năm 1988.

Nơi thường trú: thôn P, xã P, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991.

Nơi thường trú: thôn C, xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hùng Đ - Chủ tịch UBND xã

Địa chỉ: xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa

4. Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn Q - sinh năm 1961; nguyên là công chức Tư pháp – Hộ tịch UBND xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ: xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

(Tại phiên tòa các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Thế V trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thế V và chị Nguyễn Thị T về chung sống với nhau tự nguyện quyết định vào năm 2009 nhưng chưa đăng ký kết hôn. Ngày 04/5/2010, anh V và Chị T đến UBND xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đăng ký kết hôn. Trong sổ lưu đăng ký kết hôn cho anh chị, bên phần vợ ký, Chị T có ghi “*tôi không đồng ý đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Thế V vì do gia đình ép buộc*”, sau đó UBND xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa vẫn cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cho anh chị. Quá trình chung sống, anh và Chị T đã xảy ra nhiều bất đồng mâu thuẫn, không có tiếng nói chung dẫn đến sống ly thân từ năm 2012. Năm 2018, Chị T đem giấy chứng nhận kết hôn đến UBND xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa để làm thủ tục ly hôn với anh V, vì giấy chứng nhận đăng ký kết hôn không có chữ ký của anh V và Chị T nên UBND xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đã thu hồi giấy chứng nhận kết hôn. Xét thấy anh và Chị T không thể quay về chung sống đoàn tụ vì thời gian sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn nên anh và Chị T đã đến UBND xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xin cấp lại trích lục kết hôn để làm thủ tục giải quyết ly hôn tại Tòa án, nhưng UBND xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa không cấp trích lục kết hôn cho anh chị vì việc đăng ký kết hôn là trái pháp luật. Nay anh đề nghị Tòa án hủy việc đăng ký kết hôn trái pháp luật, không công nhận anh V và Chị T là vợ chồng.

- Về con chung: Anh V và Chị T có 01 con chung là Nguyễn Thu T1, sinh ngày 26/8/2010. Con phát triển bình thường về trí tuệ và thể chất và hiện nay đang ở với anh V tại xã P, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình. Khi ly hôn anh V xin được chăm sóc, nuôi dưỡng con và không yêu cầu Chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về chia tài sản và nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thế V về chung sống với nhau tự nguyện quyết định vào năm 2009 nhưng chưa đăng ký kết hôn. Ngày 04/5/2010, anh chị đến UBND xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đăng ký kết hôn, nhưng vì vợ chồng có mâu thuẫn nên chị đã ghi ở phần chữ ký của vợ là “*tôi không đồng ý đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Thế V vì do gia đình ép buộc*”, sau đó UBND xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa vẫn cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cho anh chị, nhưng cả chị và anh V đều không ký vào giấy chứng nhận kết hôn mà UBND xã đã giao, sau đó chị là

người giữ giấy chứng nhận kết hôn. Năm 2012, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng nên đã sống ly thân cho đến nay. Năm 2018, chị đem giấy chứng nhận kết hôn đến UBND xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa để làm thủ tục ly hôn với anh V, vì giấy chứng nhận đăng ký kết hôn không có chữ ký của chị và anh V nên UBND xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đã thu hồi giấy chứng nhận kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra nhiều bất đồng mâu thuẫn, nên đã sống ly thân từ năm 2012. Nay tình cảm vợ chồng không còn, thời gian sống ly thân đã lâu nên chị đến UBND xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xin cấp lại trích lục kết hôn để làm thủ tục giải quyết ly hôn tại Tòa án, nhưng UBND xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa không cấp trích lục kết hôn cho anh chị vì việc đăng ký kết hôn là trái pháp luật. Nay chị đề nghị Tòa án hủy việc đăng ký kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh V và đề nghị Tòa án tuyên bố Chị T và anh V không phải là vợ chồng.

- Về con chung: Chị và anh V có 01 con chung là Nguyễn Thu T1, sinh ngày 26/8/2010. Con phát triển bình thường về trí tuệ và thể chất và hiện nay đang ở với anh V tại xã P, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Khi ly hôn chị giao con cho anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con và chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về chia tài sản và nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người đại diện theo pháp luật ông Lê Hùng Đ trình bày:*

Chị Nguyễn Thị T là công dân xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Chị T có đến UBND xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xin cấp lại bản sao trích lục kết hôn để làm thủ tục ly hôn với anh Nguyễn Thế V tại Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Chị T có xuất trình giấy chứng nhận kết hôn tại UBND xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, nhưng giấy chứng nhận kết hôn cấp không đúng quy định vì không có chữ ký và chữ viết họ tên của hai bên là bên vợ và bên chồng. Xét thấy việc cấp giấy chứng nhận kết hôn không đúng quy định pháp luật nên UBND xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đã thu hồi Giấy chứng nhận kết hôn. Sau đó Chị T đến UBND xã xin cấp bản sao trích lục kết hôn, UBND xã đã xem xét, đối chiếu sổ lưu đăng ký kết hôn tại xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa thì thấy: Giấy chứng nhận kết hôn số 30, ngày 04/5/2010 thể hiện, phần nội dung có ghi đầy đủ họ tên, ngày tháng năm sinh và địa chỉ của anh Nguyễn Thế V và chị Nguyễn Thị T, nhưng phần chữ ký của vợ ghi “*Tôi không đồng ý đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Thế V vì do gia đình ép buộc*”. Vì vậy, UBND xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa không cấp trích lục kết hôn (bản sao) cho Chị T, vì trái với quy định Luật Hôn nhân và gia đình là không tự nguyện và do bị ép buộc.

Vì vậy, UBND xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đề nghị TAND huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa hủy quan hệ hôn nhân trái pháp luật giữa Chị T và anh V.

** Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án người làm chứng ông Nguyễn Văn Q trình bày:*

Ông Q nguyên là công chức tư pháp UBND xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, ngày 04/5/2010 khi đang là công chức tư pháp xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã làm thủ tục đăng ký kết hôn cho chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thế V. Trong sổ đăng ký kết hôn, phần nội dung ông có ghi đầy đủ họ tên, ngày tháng năm sinh và địa chỉ của anh Nguyễn Thế V và chị Nguyễn Thị T, nhưng phần chữ ký của vợ (cô T) ghi “*Tôi không đồng ý đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Thế V vì do gia đình ép buộc*”, nhưng ông vẫn cấp giấy chứng nhận kết hôn cho cô T và anh V.

Năm 2018, cô T đem giấy chứng nhận kết hôn đến UBND xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa để làm thủ tục ly hôn, nhưng trong giấy chứng nhận kết hôn không có chữ ký, không có chữ viết họ và tên của hai bên là bên vợ (cô T) và bên chồng (anh V) nên UBND xã đã thu hồi giấy chứng nhận kết hôn.

** Tại biên bản xác minh ngày 09/4/2023, tại UBND xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, ông Lê Văn K - Phó chủ tịch UBND xã trình bày:*

Anh Nguyễn Thế V có nơi cư trú ở xã P, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình; chị Nguyễn Thị T là công dân xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Ngày 04/5/2010, anh V và Chị T đến UBND xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đăng ký kết hôn. Năm 2018 Chị T đem giấy Đăng ký kết hôn đến UBND xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa làm thủ tục ly hôn với anh V. Vì giấy chứng nhận kết hôn không có chữ ký của hai bên (bên vợ và bên chồng), nên UBND xã đã thu hồi giấy chứng nhận kết hôn. Tháng 3 năm 2023, Chị T đến UBND xã xin cấp trích lục kết hôn để Chị T làm thủ tục ly hôn với anh V. UBND xã đã kiểm tra sổ đăng ký kết hôn thể hiện, nội dung bên phần chữ ký của vợ, Chị T viết “*Tôi không đồng ý đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Thế V vì do gia đình ép buộc*”. Việc đăng ký kết hôn không đúng quy định pháp luật, nên UBND xã không cấp trích lục kết hôn cho Chị T. UBND xã đề nghị Tòa án hủy việc đăng ký kết hôn trái pháp luật giữa anh V và Chị T. Về hôn nhân và con chung: Anh V và Chị T, sau khi về chung sống với nhau thì ở tại xã P, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Năm 2012, Chị T về sinh sống tại xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Chị T và anh V có 01 con chung, hiện nay cháu ở cùng với anh V.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định

của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Đương sự, người làm chứng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, tuy nhiên các bên đương sự và người làm chứng đều có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự để xét xử vắng mặt các bên đương sự là đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thê V về sống chung với nhau năm 2009 do tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Đến ngày 04/5/2010 hai bên mới đến Ủy ban nhân dân xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa để làm thủ tục đăng ký kết hôn. Tuy nhiên thời điểm này Chị T và anh V thường xuyên có nhiều mâu thuẫn, vì vậy khi làm thủ tục đăng ký kết hôn, Chị T khi ký vào sổ đăng ký kết hôn của UBND xã đã điền thêm dòng chữ “*Tôi không đồng ý đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Thê V vì do gia đình ép buộc*” để phản ánh việc chị bị ép buộc kết hôn. Khi công chức Tư pháp – Hộ tịch của UBND xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa thấy việc như vậy vẫn cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 30, ngày 04/5/2010 cho Chị T và anh V là việc đăng ký kết hôn trái pháp luật.

Tuy Chị T không đồng ý kết hôn với anh V, tuy nhiên cả hai vẫn sống chung với nhau đến năm 2012 thì sống ly thân mỗi người một nơi. Đến nay cả hai xét thấy không thể sống chung với nhau được nữa nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa không công nhận là vợ chồng và đề nghị hủy kết hôn trái pháp luật.

+ Về con chung: Chị T và anh V có với nhau 1 con chung tên là Nguyễn Thu T1, sinh ngày 26/8/2010, từ năm 2012 cho đến nay cháu T1 ở với anh V tại xã P, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình. Anh V có đề nghị được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, không yêu cầu Chị T cấp dưỡng nuôi con chung và Chị T cũng đồng ý giao con chung cho anh V chăm sóc nuôi dưỡng.

+ Về tài sản chung hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy việc Chị T không đồng ý kết hôn với anh V vì bị gia đình ép buộc, nhưng Công chức Tư pháp – Hộ tịch của UBND xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa vẫn cấp giấy chứng nhận kết hôn là trường hợp kết hôn trái pháp luật. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa Chị T và anh V và tuyên bố hai người không phải là vợ chồng.

Về con chung: Chị T và anh V đều xác định cháu Nguyễn Thu T1, sinh ngày 26/8/2010 là con chung của hai anh chị. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xác định anh V và Chị T có với nhau 1 con chung và chấp nhận sự thỏa thuận, giao con chung cho anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, do anh V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Chị T và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về án phí: anh V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt anh V, Chị T, ông Đ và Ông Q, tuy nhiên các bên đương sự và nhân chứng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo khoản 1 Điều 228; Điều 229; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét tính hợp pháp quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Thế V và chị Nguyễn Thị T, thấy rằng: Anh Nguyễn Thế V và chị Nguyễn Thị T về sống chung với nhau từ năm 2009 do tự nguyện nhưng chưa thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn. Ngày 04/5/2010, anh V và Chị T đến UBND xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đăng ký kết hôn. Trong sổ lưu đăng ký kết hôn cho anh V và Chị T, bên phần vợ ký, Chị T có ghi *“tôi không đồng ý đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Thế V vì do gia đình ép buộc”*, sau đó UBND xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa vẫn cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cho anh chị, nhưng trong giấy chứng nhận kết hôn không có chữ ký của anh V và Chị T, nguyên nhân của sự việc này là do vào thời điểm này, Chị T và anh V thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn, vì vậy khi được gia đình yêu cầu đi đăng ký kết hôn, Chị T đã ghi thêm câu *“tôi không đồng ý đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Thế V vì do gia đình ép buộc”* vào sổ lưu. Sau một thời gian sống chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đến năm 2012 Chị T và anh V đã sống ly thân. Năm 2018 Chị T đến UBND xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa để làm thủ tục ly hôn thì UBND xã T đã thu hồi giấy chứng nhận kết hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc đăng ký kết hôn cho anh V và Chị T ngày 04/5/2010 tại UBND xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa là vi

phạm về điều kiện kết hôn do Chị T không tự nguyện và bị ép buộc là vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình. UBND xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 04/5/2010 cho anh Nguyễn Thế V và chị Nguyễn Thị T, nhưng không có chữ ký của anh V và Chị T trong giấy chứng nhận kết hôn là vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về Đăng ký và quản lý hộ tịch (khoản 2 Điều 18 Luật Hộ tịch năm 2014). Vì vậy, anh V và Chị T đề nghị hủy kết hôn trái pháp luật và không công nhận anh Nguyễn Thế V và chị Nguyễn Thị T là vợ chồng, cần áp dụng Điều 10, Điều 11 và Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của anh V là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Thế V và chị Nguyễn Thị T xác định anh chị có 01 con chung là Nguyễn Thu T1, sinh ngày 26/8/2010. Xét thấy, cháu T1 sống cùng anh Nguyễn Thế V từ năm 2012 cho đến nay, nguyện vọng của cháu T1 xin được ở với bố, anh V có nguyện vọng được nuôi dưỡng con và Chị T cũng đồng ý giao con cho anh V chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, sau khi hủy kết hôn trái pháp luật, cần giao con chung cho anh V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh V không yêu cầu Chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Anh V và Chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh V khởi kiện vụ án nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 10, Điều 11, Điều 12 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 18 Luật Hộ tịch năm 2014; khoản 7 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 ; Điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229; Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân:

1.1. Không công nhận anh Nguyễn Thế V và chị Nguyễn Thị T là vợ chồng.

1.2. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Nguyễn Thế V và chị Nguyễn Thị T đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 04/5/2010 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Ủy ban nhân dân xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa có trách nhiệm hủy bỏ giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 04 tháng 5 năm 2010 giữa

anh Nguyễn Thế V và chị Nguyễn Thị T theo quy định của pháp luật về hộ tịch.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thu T1, sinh ngày 26/8/2010 cho anh Nguyễn Thế V trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh V không yêu cầu Chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Thế V phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0007238 ngày 14/3/2023; chấp nhận anh V đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt các bên đương sự. Các đương sự có quyền kháng bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã T, huyện Nông Cống;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Võ Kỳ Anh